

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Liên	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2014)
Ông Phạm Đăng Nam	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2014, miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Phạm Việt Anh	Thành viên
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên
Ông Mai Thế Toàn	Thành viên
Ông Trịnh Trọng Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2014)
Ông Nguyễn Quốc Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuấn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2014)
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2014)
Ông Đào Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thế Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Khắc Đô	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính

riêng.
Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Nguyễn

Phó Tổng Giám đốc

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh

Kiểm toán viên

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0395-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		2.006.372.628.775	2.225.425.032.585
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.205.582.218.896	1.004.272.033.769
1. Tiền	111		112.582.218.896	131.272.033.769
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.093.000.000.000	873.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		741.743.695.918	1.097.421.912.677
1. Phải thu khách hàng	131		390.550.916.077	572.494.776.087
2. Trả trước cho người bán	132		3.503.845.089	5.285.057.963
3. Các khoản phải thu khác	135	6	365.737.960.770	550.090.494.070
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(18.049.026.018)	(30.448.415.443)
III. Hàng tồn kho	140		39.331.003.473	62.423.813.874
1. Hàng tồn kho	141	7	39.331.003.473	62.423.813.874
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.715.710.488	61.307.272.265
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.211.715.695	4.635.817.246
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.244.366.095	54.935.885.218
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		182.871.567	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.076.757.131	1.735.569.801
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		4.858.721.256.841	4.958.550.048.221
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.788.354.940.578	1.876.818.692.040
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	1.788.354.940.578	1.876.818.692.040
II. Tài sản cố định	220		1.437.815.600.336	1.637.691.159.116
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.424.991.763.073	1.637.442.904.195
- Nguyên giá	222		1.966.064.859.450	2.218.788.249.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(541.073.096.377)	(581.345.345.255)
2. Tài sản cố định vô hình	227		54.254.155	248.254.921
- Nguyên giá	228		1.117.550.300	1.146.800.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.063.296.145)	(898.545.379)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	12.769.583.108	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.625.487.685.334	1.418.415.330.022
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	1.720.818.590.000	1.490.818.590.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	98.025.000.000	98.025.000.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	13	63.052.276.252	73.063.276.252
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(256.408.180.918)	(243.491.536.230)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		7.063.030.593	25.624.867.043
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	338.803.432	16.718.575.727
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	3.238.098.448	5.495.162.603
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.486.128.713	3.411.128.713
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		6.865.093.885.616	7.183.975.080.806

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		3.916.745.314.815	4.467.327.282.834
I. Nợ ngắn hạn	310		1.016.807.277.563	1.449.778.958.351
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	373.374.335.562	588.529.154.689
2. Phải trả người bán	312		385.876.816.434	570.428.559.640
3. Người mua trả tiền trước	313		1.041.612.458	3.063.229.536
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	25.339.230.755	22.421.979.830
5. Phải trả người lao động	315		70.760.030.457	62.642.263.172
6. Chi phí phải trả	316	17	88.675.139.572	132.005.483.955
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	49.540.650.645	62.774.681.563
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		22.199.461.680	7.913.605.966
II. Nợ dài hạn	330		2.899.938.037.252	3.017.548.324.483
1. Phải trả dài hạn người bán	331	19	577.227.840.000	577.227.840.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	2.322.710.197.252	2.440.320.484.483
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		2.948.348.570.801	2.716.647.797.972
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	2.948.348.570.801	2.716.647.797.972
1. Vốn cổ phần	411		2.558.575.420.000	2.326.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		70.084.632.101	163.124.632.101
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		41.503.981.544	21.737.846.637
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		16.318.509.624	6.435.442.171
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		261.866.027.532	199.349.877.063
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		6.865.093.885.616	7.183.975.080.806
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại:				
- Đô la Mỹ ("USD")			24.245	209.564
- Euro ("EUR")			397	408
- Yên Nhật ("JPY")			-	6.225.809



Võ Thị Thanh Tùng
Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2014	2013
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.990.696.241.453	2.018.970.904.384
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	23	1.990.696.241.453	2.018.970.904.384
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	1.759.954.622.570	1.814.135.203.378
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		230.741.618.883	204.835.701.006
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	201.756.388.105	209.361.605.049
6. Chi phí tài chính	22	26	141.942.462.846	98.014.909.947
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.430.419.508	26.972.960.019
7. Chi phí bán hàng	24		2.520.000.000	7.020.000.000
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		52.104.375.799	54.949.268.609
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		235.931.168.343	254.213.127.499
10. Thu nhập khác	31		163.688.355.835	4.001.172.689
11. Chi phí khác	32		85.510.272.944	3.075.576.681
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	27	78.178.082.891	925.596.008
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		314.109.251.234	255.138.723.507
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	59.777.279.343	56.672.289.467
15. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	15	2.257.064.155	(883.443.023)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		252.074.907.736	199.349.877.063


Võ Thị Thanh Tùng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởngPhạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2015


TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**MẪU B 03-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	314.109.251.234	255.138.723.507
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	129.544.985.371	105.278.142.915
- Các khoản dự phòng	03	517.255.263	(63.675.219.629)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	3.174.671.490	414.161.361
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(170.127.925.930)	(88.071.908.776)
- Chi phí lãi vay	06	18.430.419.508	26.972.960.019
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	295.648.656.936	236.056.859.397
- Thay đổi các khoản phải thu	09	327.171.908.581	42.206.979.509
- Thay đổi hàng tồn kho	10	23.092.810.401	(39.650.123.794)
- Thay đổi các khoản phải trả	11	(150.853.637.598)	(43.787.659.349)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	18.803.873.846	25.504.918.012
- Tiền lãi vay đã trả	13	(9.435.930.234)	(24.434.864.033)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(55.756.051.384)	(37.549.193.468)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	483.206.470
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(14.536.263.492)	(1.434.336.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	434.135.367.056	157.395.786.744
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(88.456.423.876)	(23.166.977.781)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	160.892.000.000	734.545.455
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(30.000.000.000)	(140.000.000.000)
4. Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	98.676.256.896	84.512.356.837
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	141.111.833.020	(77.920.075.489)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	282.744.285.507	787.476.776.500
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(656.808.519.497)	(407.457.850.320)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(374.064.233.990)	380.018.926.180
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	201.182.966.086	459.494.637.435
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.004.272.033.769	544.494.085.516
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	127.219.041	283.310.818
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.205.582.218.896	1.004.272.033.769

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm không bao gồm số tiền 200.000.000.000 đồng (năm 2013: 0 đồng), là số tiền góp vốn vào công ty con thông qua việc chuyển đổi công nợ phải thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm bao gồm số tiền 75.324.201.602 đồng (năm 2013: không đồng), là số tiền mua sắm và xây dựng tài sản cố định phát sinh trong năm 2013 nhưng được thanh toán trong năm 2014. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.


Tiền chi trả lãi tiền vay trong năm không bao gồm số tiền 42.667.363.946 đồng (năm 2013: 19.800.906.853 đồng), là khoản lãi vay phát sinh nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia không bao gồm số tiền 5.876.001.522 đồng (năm 2013: 6.338.703.805 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Võ Thị Thanh Tùng
Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 ngày 07 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 596 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 665 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty. Vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Tổng Công ty.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Thiết bị văn phòng	3
Phương tiện vận tải	6 - 25

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Tổng Công ty giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc và các chi phí liên quan đến các khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là khoản dự phòng lỗ đầu tư tài chính do hoạt động kinh doanh thua lỗ của các công ty con, công ty liên kết và công ty mà Tổng Công ty đầu tư dài hạn khác. Khoản dự phòng này được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó có thể được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh theo mục đích định trước.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	349.067.247	363.726.557
Tiền gửi ngân hàng	112.233.151.649	130.908.307.212
Các khoản tương đương tiền	1.093.000.000.000	873.000.000.000
	<u>1.205.582.218.896</u>	<u>1.004.272.033.769</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 5,4% đến 5,8%/ năm (31 tháng 12 năm 2013: từ 6,8% đến 7%/năm).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (*)	235.395.412.827	211.569.369.524
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam (*)	67.840.865.914	104.492.583.442
Công ty TNHH PVTrans Emas	6.150.000.000	9.225.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu (*)	3.145.778.372	112.023.642.694
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	793.437.549	793.437.549
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	49.279.831	57.305.584.425
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội (*)	-	25.972.673.885
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	-	11.322.946.521
Các khoản phải thu khác	52.363.186.277	17.385.256.030
	<u>365.737.960.770</u>	<u>550.090.494.070</u>

(*) Các khoản phải thu này liên quan chủ yếu đến các khoản thu hộ, chi hộ của Tổng Công ty với các công ty con của Tổng Công ty.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nhiên liệu	17.334.426.211	51.583.342.635
Công cụ, dụng cụ	20.507.037.803	9.918.535.351
Lương thực, thực phẩm	1.489.539.459	921.935.888
	<u>39.331.003.473</u>	<u>62.423.813.874</u>

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	1.788.354.940.578	1.811.966.449.200
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	64.852.242.840
	<u>1.788.354.940.578</u>	<u>1.876.818.692.040</u>

Phải thu dài hạn khác chủ yếu là các khoản phải thu các công ty con liên quan đến các khoản vay mà Tổng Công ty vay từ các ngân hàng thương mại, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và chuyển lại cho các công ty con này. Lãi vay được Tổng Công ty thanh toán và thu lại các công ty này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	3.983.193.881	2.214.805.055.569	2.218.788.249.450
Tăng trong năm	418.285.000	-	418.285.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(253.110.000.000)	(253.110.000.000)
Giảm khác	(31.675.000)	-	(31.675.000)
Tại ngày 31/12/2014	<u>4.369.803.881</u>	<u>1.961.695.055.569</u>	<u>1.966.064.859.450</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	(2.197.153.101)	(579.148.192.154)	(581.345.345.255)
Khấu hao trong năm	(731.236.461)	(128.648.998.144)	(129.380.234.605)
Thanh lý, nhượng bán	-	169.647.204.317	169.647.204.317
Giảm khác	5.279.166	-	5.279.166
Tại ngày 31/12/2014	<u>(2.923.110.396)</u>	<u>(538.149.985.981)</u>	<u>(541.073.096.377)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>1.446.693.485</u></u>	<u><u>1.423.545.069.588</u></u>	<u><u>1.424.991.763.073</u></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>1.786.040.780</u></u>	<u><u>1.635.656.863.415</u></u>	<u><u>1.637.442.904.195</u></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải của Tổng Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.959.494.153.267 đồng và 1.423.464.409.191 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 1.067.377.500.000 đồng và 546.144.815.915 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Thiết bị văn phòng và phương tiện vận tải bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 2.093.563.479 đồng và 847.564.800 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 1.583.385.649 đồng và 3.716.958.882 đồng).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện khoản chi phí đóng tàu thực tế phát sinh cao hơn chi phí dự toán ban đầu của con tàu Mercury. Giá trị dự toán mới của con tàu đang chờ phê duyệt từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được ghi tăng tài sản tài sản cố định theo dự toán được phê duyệt.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu thực tế về vốn	Quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Số 186 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu	99,85%	99,85%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, tuyển dụng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Tầng 14, Tòa nhà 319-Bộ Quốc Phòng, số 63 Đường Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	99,72%	99,72%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyển dụng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lữ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Tầng lửng, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa káo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	69,63%	69,63%	Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hải, dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển và cho thuê phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa káo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	64,92%	64,92%	Kinh doanh vận tải dầu thô, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.
Công ty Cổ phần Sản phẩm khí Quốc tế	Tầng 9, Tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	67,74%	67,74%	Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển, dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Phòng 1902, tầng 19, Tòa nhà số 27, phố Huỳnh Thúc Kháng, Quận Đống Đa, Hà Nội	38,67%	73%	Kinh doanh vận tải bằng ô tô dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas: chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	Tầng 3, tòa nhà PJCO Tower, 186 Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	22,63%	60%	Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo hợp đồng, theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa; mua bán phương tiện, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành giao thông vận tải, sản phẩm gas LPG, CNG, LNG; đại lý kinh doanh xăng dầu; dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng; kinh doanh nhà hàng, khách sạn; kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; kinh doanh bãi đỗ xe, trạm dừng; đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhà máy thủy điện; kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải biển và mua bán phân bón.

A red circular stamp is located on the right side of the page, partially overlapping the table. The text inside the stamp is partially visible and includes "2-C", "H", "UẬN", "T", "M", and "CH".

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	P806, lầu 08 Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	67,99%	62,3%	Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	E1, Tôn Đức Thắng, phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.	99,35%	99,35%	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển.

Chi tiết số vốn đã góp vào các công ty con tại ngày kết thúc niên độ kế toán của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	156.000.000.000	156.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	107.800.000.000	107.800.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	405.632.000.000	205.632.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	612.000.000.000	612.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	203.209.000.000	203.209.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	38.670.000.000	38.670.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	52.037.720.000	52.037.720.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	137.869.870.000	107.869.870.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	7.600.000.000	7.600.000.000
	<u>1.720.818.590.000</u>	<u>1.490.818.590.000</u>

Tổng Công ty đã dùng khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Citibank.

Trong năm, Tổng Công ty đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam với số tiền là 200.000.000.000 đồng thông qua hình thức cản trừ công nợ.

Tổng Công ty đã mua 3.000.000 cổ phiếu ưu đãi của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt với số tiền là 30.000.000.000 đồng, cổ phiếu ưu đãi được hưởng cổ tức bằng 1,5 lần cổ tức của cổ phiếu phổ thông trong 3 kỳ chia cổ tức liên tiếp, hết thời hạn này cổ phiếu ưu đãi sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tỷ lệ vốn góp thực tế của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương và Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long lần lượt là 38,67% và 22,63% trên tổng số vốn thực góp của các cổ đông (không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2013). Tuy nhiên, Tổng Công ty được các cổ đông khác ủy quyền lại quyền biểu quyết tại Hội đồng Quản trị. Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các công ty này, do đó, Tổng Công ty đã trình bày khoản đầu tư góp vốn vào các công ty này như một khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

Chi tiết số vốn đã góp vào các công ty liên kết, liên doanh tại ngày kết thúc niên độ kế toán của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH PVTrans Emas	1.025.000.000	1.025.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	97.000.000.000	97.000.000.000
	<u>98.025.000.000</u>	<u>98.025.000.000</u>

Công ty TNHH PVTrans Emas được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501702083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 2.050.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã góp 1.025.000.000 đồng, tương ứng với 50% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển, cầu kiện nổi; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 4 năm 2011. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 200 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã góp 97 tỷ đồng, tương ứng với 48,5% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
PV KEEZ Pte. Ltd.	63.052.276.252	63.052.276.252
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn	-	10.011.000.000
	<u>63.052.276.252</u>	<u>73.063.276.252</u>

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty được phép liên doanh với 3 công ty nước ngoài thành lập Công ty PV KEEZ Pte. Ltd. tại Singapore với mục đích cung cấp tàu chứa và xử lý dầu thô cho mỏ Chim Sáo và Dừa. Tổng vốn đầu tư của dự án là 405 triệu đô la Mỹ, trong đó, vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 9 triệu đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã góp 3.205.425 đô la Mỹ.

Trong năm, Tổng Công ty đã tiến hành thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	16.009.657.909
Chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ	89.305.068	708.917.818
Chi phí dài hạn khác	249.498.364	-
	<u>338.803.432</u>	<u>16.718.575.727</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đình Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	4.361.363.992	250.355.588	4.611.719.580
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	<u>1.133.798.611</u>	<u>(250.355.588)</u>	<u>883.443.023</u>
Tại ngày 31/12/2013	5.495.162.603	-	5.495.162.603
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	<u>(2.257.064.155)</u>	<u>-</u>	<u>(2.257.064.155)</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>3.238.098.448</u>	<u>-</u>	<u>3.238.098.448</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.087.455.580	741.663.878
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.330.501.970	17.308.944.011
Thuế thu nhập cá nhân	2.375.131.981	3.688.647.609
Thuế khác	546.141.224	682.724.332
	<u>25.339.230.755</u>	<u>22.421.979.830</u>

Tình hình tăng giảm khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	01/01/2014 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	741.663.878	23.424.739.586	23.078.947.884	1.087.455.580
Thuế xuất nhập khẩu	-	208.511.209	208.511.209	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.308.944.011	59.777.609.343	55.756.051.384	21.330.501.970
Thuế thu nhập cá nhân	3.688.647.609	26.277.697.904	27.774.085.099	2.192.260.414
Thuế nhà thầu	682.724.332	4.056.138.462	4.192.721.570	546.141.224
Thuế môn bài	-	11.000.000	11.000.000	-
Tổng	<u>22.421.979.830</u>	<u>113.755.696.504</u>	<u>111.021.317.146</u>	<u>25.156.359.188</u>
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu	-			182.871.567
Thuế và các khoản phải nộp	22.421.979.830			25.339.230.755

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí sửa chữa lớn tàu Hercules và Mercury	48.715.064.966	36.031.600.000
Chi phí lãi vay	26.604.480.202	20.934.367.454
Phí bảo lãnh, quản lý	7.279.504.063	6.975.903.701
Phí hoa hồng, đại lý	5.160.550.996	6.186.423.043
Chi phí đóng tàu Mercury	-	34.995.071.885
Chi phí sửa chữa tàu Kamari	-	25.451.456.400
Chi phí khác	915.539.345	1.430.661.472
	<u>88.675.139.572</u>	<u>132.005.483.955</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	22.016.542.938	40.792.642.219
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.707.419.176	1.807.924.894
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	1.113.053.176	2.170.498.266
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	395.215.065	326.512.148
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	99.911.460	861.155.068
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	4.779.274.721
Các khoản phải trả, phải nợ ngắn hạn khác	24.208.508.830	12.036.674.247
	<u>49.540.650.645</u>	<u>62.774.681.563</u>

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN

Phải trả dài hạn người bán thể hiện khoản tiền mua tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT phải thanh toán cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với tổng giá trị là 618.458.400.000 đồng. Theo Nghị quyết số 6658/NQ-DKVN ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, khoản công nợ này sẽ được hoàn trả trong vòng 15 năm tính từ khi tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT này đi vào khai thác (tháng 11 năm 2013). Ngày 13 tháng 11 năm 2014, Tổng Công ty đã có Công văn số 1001/VTDK-HĐQT gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc “Các giải pháp hỗ trợ tài chính cho Dự án đầu tư tàu đóng mới chở dầu thô 104.000 DWT”. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vẫn chưa thống nhất về lịch trả nợ liên quan tới khoản phải trả dài hạn này.

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Chi tiết số dư các khoản vay và khoản nhận bảo lãnh tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Citibank	1.231.325.556.684	1.419.966.449.200
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	573.092.267.637	392.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	485.460.710.431	466.402.688.068
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	32.831.662.500	97.099.104.375
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn	-	64.852.242.840
	<u>2.322.710.197.252</u>	<u>2.440.320.484.483</u>

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính và hợp đồng bảo lãnh với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan tới việc đóng tàu vận tải có tải trọng 105.000 DWT. Các hợp đồng vay và bảo lãnh này có tổng hạn mức tín dụng là 1.197 tỷ đồng, 42.000.000 Đô la Mỹ và 9.936.854.077 Yên Nhật (tương đương 109.477.009 Đô la Mỹ). Các khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay từ 0,1% đến 7,35%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đang có số dư nợ vay là 1.157.209.857.318 đồng và 71.977.297 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.122.766.676.868 đồng và 90.434.263 Đô la Mỹ).

Các khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của Tổng Công ty (Thuyết minh số 9), khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Thuyết minh số 11).

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng dùng tài sản đang hình thành với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.530.090.932.848 (31 tháng 12 năm 2013: 1.108.081.445.290 đồng) của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Các khoản vay dài hạn và nhận bảo lãnh được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	373.374.335.562	588.529.154.689
Trong năm thứ hai	332.870.960.738	335.979.209.588
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.022.662.367.300	807.184.749.534
Sau năm năm	967.176.869.214	1.297.156.525.361
	2.696.084.532.814	3.028.849.639.172
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	<u>(373.374.335.562)</u>	<u>(588.529.154.689)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>2.322.710.197.252</u>	<u>2.440.320.484.483</u>

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 31/12/2013	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>
Được phép phát hành	255.857.542	2.558.575.420.000	232.600.000	2.326.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	255.857.542	2.558.575.420.000	232.600.000	2.326.000.000.000

Cổ phần	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng + Cổ phần phổ thông	255.857.542	232.600.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành + Cổ phần phổ thông	255.857.542	232.600.000

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Tổng Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần <u>VND</u>	Quỹ đầu tư và phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	2.326.000.000.000	123.992.836.141	16.440.207.175	3.786.622.440	52.976.394.615	2.523.196.060.371
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	199.349.877.063	199.349.877.063
Phân phối quỹ	-	39.131.795.960	5.297.639.462	2.648.819.731	(47.078.255.153)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.898.139.462)	(5.898.139.462)
Tại ngày 31/12/2013	2.326.000.000.000	163.124.632.101	21.737.846.637	6.435.442.171	199.349.877.063	2.716.647.797.972
Tăng vốn trong năm (*)	232.575.420.000	(93.040.000.000)	-	-	(139.535.420.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	252.074.907.736	252.074.907.736
Phân phối quỹ (**)	-	-	19.766.134.907	9.883.067.453	(29.649.202.360)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	(20.266.134.907)	(20.266.134.907)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách (**)	-	-	-	-	(108.000.000)	(108.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	<u>2.558.575.420.000</u>	<u>70.084.632.101</u>	<u>41.503.981.544</u>	<u>16.318.509.624</u>	<u>261.866.027.532</u>	<u>2.948.348.570.801</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/VTDK-ĐHĐCĐ-NQ ngày 11 tháng 4 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2013 và quỹ đầu tư phát triển với số tiền lần lượt là 139.535.420.000 đồng và 93.040.000.000 đồng. Ngày 15 tháng 9 năm 2014, Tổng Công ty đã nhận được thông báo số 886/TB-SGDHCM về việc niên yết thành công lượng cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(**) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung các quỹ dự phòng tài chính, quỹ khác (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ), quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách của Tổng Công ty với số tiền lần lượt là 19.766.134.907 đồng, 9.883.067.453 đồng, 20.266.134.907 đồng và 108.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/VTDK-ĐHĐCĐ-NQ ngày 11 tháng 4 năm 2014.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.304.873.460.000	51,00	1.358.499.460.000	58,40
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	168.939.630.000	6,60	193.485.380.000	8,30
Market Vectors ETF Trust - Market Vectors-Vietnam ETF	129.365.050.000	5,06	-	-

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi, Bộ phận dịch vụ thương mại và Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải - kinh doanh vận tải bằng tàu;
 Bộ phận kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi - kinh doanh cung cấp kho nổi cho mỏ dầu;
 Bộ phận dịch vụ thương mại - kinh doanh hàng hóa, trang thiết bị cho các công ty Dầu khí;
 Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng

31/12/2014	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Dịch vụ thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	2.919.000.535.831	164.683.004	139.834.000.651	207.408.101.392	3.266.407.320.878
Tài sản không phân bổ					3.598.686.564.738
Tổng tài sản					6.865.093.885.616
Nợ phải trả bộ phận	1.639.345.191.914	7.823.114.671	46.820.234.270	86.819.214.721	1.780.807.755.576
Nợ phải trả không phân bổ					2.135.937.559.239
Tổng nợ phải trả					3.916.745.314.815

1001
 CH
 CÍ
 RÁCH
 DE
 VII

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

2014	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Dịch vụ thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.332.960.952.988	147.177.935.512	151.635.347.664	358.922.005.289	1.990.696.241.453
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	1.332.960.952.988	147.177.935.512	151.635.347.664	358.922.005.289	1.990.696.241.453
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	125.892.105.739	56.984.616.124	7.273.763.670	40.591.133.350	230.741.618.883
Chi phí không phân bổ					(54.624.375.799)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					176.117.243.084
Doanh thu hoạt động tài chính					201.756.388.105
Lợi nhuận khác					78.178.082.891
Chi phí tài chính					(141.942.462.846)
Lợi nhuận trước thuế					314.109.251.234
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(59.777.279.343)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(2.257.064.155)
Lợi nhuận trong năm					252.074.907.736
Thông tin khác					
Khấu hao					129.544.985.371

Bảng cân đối kế toán riêng

31/12/2013	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Dịch vụ thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	3.008.050.416.947	41.627.760.591	106.671.155.666	557.176.199.783	3.713.525.532.987
Tài sản không phân bổ					3.470.449.547.819
Tổng tài sản					7.183.975.080.806
Nợ phải trả bộ phận	2.112.022.050.935	55.105.644.072	40.571.331.892	58.476.349.692	2.266.175.376.591
Nợ phải trả không phân bổ					2.201.151.906.243
Tổng nợ phải trả					4.467.327.282.834

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

2013	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Dịch vụ thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.459.290.117.138	226.369.483.675	88.117.789.152	245.193.514.419	2.018.970.904.384
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	1.459.290.117.138	226.369.483.675	88.117.789.152	245.193.514.419	2.018.970.904.384
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	158.071.278.814	29.672.834.049	4.414.052.140	12.677.536.003	204.835.701.006
Chi phí không phân bổ					(61.969.268.609)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					142.866.432.397
Doanh thu hoạt động tài chính					209.361.605.049
Lợi nhuận khác					925.596.008
Chi phí tài chính					(98.014.909.947)
Lợi nhuận trước thuế					255.138.723.507
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(56.672.289.467)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					883.443.023
Lợi nhuận trong năm					199.349.877.063
Thông tin khác					
Khấu hao					105.278.142.915

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và dịch vụ cho thuê kho nổi chứa dầu. Dịch vụ vận tải chủ yếu được thực hiện từ khu vực Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến các tỉnh lân cận. Hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê kho nổi chủ yếu được thực hiện ở Vũng Tàu. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng rủi ro và lợi ích kinh tế của các hoạt động này không có sự khác biệt đáng kể trong các khu vực nội địa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

23. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dịch vụ vận tải	1.332.960.952.988	1.459.290.117.138
Dịch vụ kho nổi	147.177.935.512	226.369.483.675
Dịch vụ thương mại	151.635.347.664	88.117.789.152
Dịch vụ khác	358.922.005.289	245.193.514.419
	<u>1.990.696.241.453</u>	<u>2.018.970.904.384</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dịch vụ vận tải	1.207.068.847.249	1.301.218.838.324
Dịch vụ kho nổi	90.193.319.388	196.696.649.626
Dịch vụ thương mại	144.361.583.994	83.703.737.012
Dịch vụ khác	318.330.871.939	232.515.978.416
	<u>1.759.954.622.570</u>	<u>1.814.135.203.378</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, ủy thác đầu tư	59.278.474.613	55.376.463.321
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.615.334.447	9.100.891.696
Cổ tức, lợi nhuận được chia	38.935.080.000	31.960.900.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	97.927.499.045	112.923.350.032
	<u>201.756.388.105</u>	<u>209.361.605.049</u>

102-C
 H
 Y
 JUHAI
 TE
 M
 CHINH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	18.430.419.508	26.972.960.019
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	5.514.833.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.958.479.559	10.429.310.134
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.174.671.490	414.161.361
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư tài chính	12.916.644.688	(56.174.841.275)
Chi phí tài chính khác	97.947.414.601	116.373.319.708
	<u>141.942.462.846</u>	<u>98.014.909.947</u>

27. LỢI NHUẬN KHÁC

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định (*)	160.892.000.000	734.545.455
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm	2.687.766.592	3.070.726.066
Thu nhập khác	108.589.243	195.901.168
	<u>163.688.355.835</u>	<u>4.001.172.689</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý (*)	83.462.795.683	-
Phạt vi phạm hợp đồng	1.936.585.050	2.958.245.833
Chi phí khác	110.892.211	117.330.848
	<u>85.510.272.944</u>	<u>3.075.576.681</u>
Lợi nhuận khác	<u>78.178.082.891</u>	<u>925.596.008</u>

(*) Số tiền này thể hiện giá bán và giá trị còn lại của tàu Kamari, được sử dụng để cung cấp dịch vụ kho nổi, mà Tổng Công ty đã thanh lý trong năm.

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	314.109.251.234	255.138.723.507
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(74.200.634.219)	(46.459.063.634)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	684.105.969	15.378.461.178
Thu nhập chịu thuế	<u>240.592.722.984</u>	<u>224.058.121.051</u>
Lỗi năm trước mang sang	-	-
Thu nhập tính thuế	<u>240.592.722.984</u>	<u>224.058.121.051</u>
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>52.930.399.056</u>	<u>56.014.530.263</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước (*)	6.846.880.287	657.759.204
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	<u>59.777.279.343</u>	<u>56.672.289.467</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2013: 25%).

(*) Đây là khoản kê khai bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 được ghi nhận và nộp bổ sung trong năm 2014.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	<u>11.843.607.896</u>	<u>9.047.154.707</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	2.869.418.981	6.047.643.520
Từ năm thứ hai tới năm thứ năm	3.216.500.000	3.078.281.173
Sau năm năm	-	1.787.866.667
	<u>6.085.918.981</u>	<u>10.913.791.360</u>

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng của Tổng Công ty được ký với thời hạn từ 1 năm đến 3 năm, các hợp đồng thuê xe của Tổng Công ty được ký với thời hạn từ 2 năm đến 6 năm.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	2.696.084.532.814	3.028.849.639.172
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.205.582.218.896	1.004.272.033.769
Nợ thuần	1.490.502.313.918	2.024.577.605.403
Vốn chủ sở hữu	2.948.348.570.801	2.716.647.797.972
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,51</u>	<u>0,75</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.205.582.218.896	1.004.272.033.769
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.526.594.791.407	2.968.955.546.754
Đầu tư tài chính	63.052.276.252	73.063.276.252
Các khoản ký quỹ	4.167.602.913	4.536.618.614
Tổng cộng	3.799.396.889.468	4.050.827.475.389
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.696.084.532.814	3.028.849.639.172
Phải trả người bán và phải trả khác	1.012.645.307.079	1.210.431.081.203
Chi phí phải trả	88.675.139.572	132.005.483.955
Tổng cộng	3.797.404.979.465	4.371.286.204.330

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc năm tài chính như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.461.500.901.268	1.768.467.955.750	1.594.201.240.003	1.941.058.957.237
Euro (EUR)	8.464.620	8.609.427	-	-
Yên Nhật (JPY)	-	1.257.308.667	-	-
Bảng Anh (GBP)	-	-	-	943.533.361
Đô la Singapore (SGD)	-	-	-	1.085.944.217

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đồng Đô la Mỹ.

Tổng Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 3.981.010.162 đồng (năm 2013: giảm/tăng 5.177.730.045 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho đồng Euro thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đình Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.205.582.218.896	-	-	1.205.582.218.896
Phải thu khách hàng và phải thu khác	738.239.850.829	1.069.509.965.777	718.844.974.801	2.526.594.791.407
Đầu tư tài chính	-	-	63.052.276.252	63.052.276.252
Các khoản ký quỹ	681.474.200	3.486.128.713	-	4.167.602.913
Tổng cộng	1.944.503.543.925	1.072.996.094.490	781.897.251.053	3.799.396.889.468
31/12/2014				
Các khoản vay	373.374.335.562	1.355.533.328.038	967.176.869.214	2.696.084.532.814
Phải trả người bán và phải trả khác	435.417.467.079	-	577.227.840.000	1.012.645.307.079
Chi phí phải trả	88.675.139.572	-	-	88.675.139.572
Tổng cộng	897.466.942.213	1.355.533.328.038	1.544.404.709.214	3.797.404.979.465
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.047.036.601.712	(282.537.233.548)	(762.507.458.161)	1.991.910.003
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.004.272.033.769	-	-	1.004.272.033.769
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.092.136.854.714	1.281.133.030.081	595.685.661.959	2.968.955.546.754
Đầu tư tài chính	-	-	73.063.276.252	73.063.276.252
Các khoản ký quỹ	1.125.489.901	3.411.128.713	-	4.536.618.614
Tổng cộng	2.097.534.378.384	1.284.544.158.794	668.748.938.211	4.050.827.475.389
31/12/2013				
Các khoản vay	588.529.154.689	1.143.163.959.122	1.297.156.525.361	3.028.849.639.172
Phải trả người bán và phải trả khác	633.203.241.203	164.922.240.000	412.305.600.000	1.210.431.081.203
Chi phí phải trả	132.005.483.955	-	-	132.005.483.955
Tổng cộng	1.353.737.879.847	1.308.086.199.122	1.709.462.125.361	4.371.286.204.330
Chênh lệch thanh khoản thuần	743.796.498.537	(23.542.040.328)	(1.040.713.187.150)	(320.458.728.941)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Công ty con
Công ty TNHH PVTrans Emas	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty liên kết
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Đại Hùng	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Công ty thuộc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Xăng dầu Dầu Khí Miền Đông	Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan dầu khí PVDP	Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Công ty thuộc Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Công ty liên kết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	8.816.827.887	8.961.513.453
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	48.330.000	11.001.818
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	28.864.427.438	30.882.306.281
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	42.129.447.930	45.419.178.076
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	-	55.500.000
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	2.039.067.723	194.432.283
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	7.671.452	450.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	303.799.117.639	339.294.861.210
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	1.061.084.452.852	1.102.593.751.356
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Đại Hùng	147.851.188.176	226.369.483.675
Ban quản lý nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	1.126.126.545
Công ty TNHH PVTrans Emas	341.446.889.574	248.791.857.041
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	18.970.817.429	-
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	58.556.000	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	12.595.176.449	20.086.227.175
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	11.198.300.410	-
Thu nhập hoạt động tài chính		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	2.758.927.982	7.265.424.900
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.426.268.819	3.897.980.401
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	93.742.308.149	99.802.245.224
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	24.385.080.000	20.320.900.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	14.550.000.000	11.640.000.000
Góp vốn trong năm		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	-	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	200.000.000.000	-
Mua tàu và dịch vụ đóng tàu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	589.008.000.000
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	10.076.605.527	504.000.000.000
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:		
	2014 VND	2013 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	5.546.596.419	5.790.721.688
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:		
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	597.062.883.743	396.947.093.207
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	560.146.973.575	730.766.676.868
Phải thu thương mại		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	16.942.174.662	18.100.407.934
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	2.448.486.057	3.841.528.519
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	15.128.207.752	193.525.613.339
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	8.819.254.857	27.623.875.191
Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm khí Quốc Tế	-	147.383.058
Công ty TNHH PVTrans Emas	98.398.089.441	2.485.613
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	27.730.056.467	25.263.996.749
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	195.626.423.026	179.543.618.060
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	3.265.326.723	-
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	-	93.894.972.293
Ban quản lý nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	1.238.739.200

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả thương mại		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	6.190.424.630	1.224.542.362
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	658.910.430	1.663.408.011
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	49.612.610.517	58.224.829.135
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	142.044.369.462	253.699.292.059
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	173.175.000	2.831.477.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	538.524.000	2.728.328.780
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	749.942.650	697.817.760
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	394.874.050	394.874.050
Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	1.286.764.755	3.108.554.283
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	2.631.786.180	4.896.760.814
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	619.707.492.117	630.970.625.440
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	61.038.768	66.494.402
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	151.470.000	
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	31.289.894.507	77.098.405.834
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam	358.747.721	358.747.721
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	-	195.200.000
Công ty Xăng dầu Dầu khí Miền Đông	693.000.000	693.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan dầu khí PVDP	67.368.000	-
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	3.981.482.828	-
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	<u>362.271.250</u>	<u>-</u>
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	3.145.778.372	112.023.642.694
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	90.824.916.725
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	67.840.865.914	104.492.583.442
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	2.023.750.353.405	2.023.535.818.724
Công ty TNHH MTV Vận tải thủy bộ Dung Quất	793.437.549	793.437.549
Công ty TNHH PVTrans Emas	6.150.000.000	9.225.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	49.279.831	57.305.584.425
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	-	11.322.946.521



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

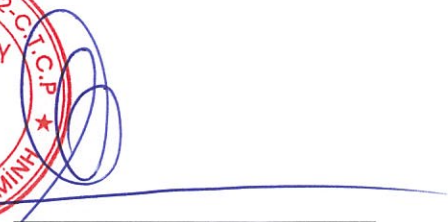
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	395.215.065	326.512.148
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.707.419.176	1.807.924.894
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	22.016.542.938	40.792.642.219
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	1.113.053.176	2.170.498.266
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	99.911.460	861.155.068
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	4.779.274.721



Võ Thị Thanh Tùng
Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng

Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2015

